TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 159/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/7/2023.
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN, TỈNH QUẢNG NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hoàng và ông Lê Trung Thiêng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa*: ông Lê Kim Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1976,

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1975,

Cùng địa chỉ: Thôn PNT, xã DS, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 17/4/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lưu Thị T trình bày:

Bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Viết H chung sống với nhau năm 2007 nH không có đăng ký kết hôn theo quy định. Ông bà chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu, về gây gỗ, đánh đập vợ

con. Bà T xét thấy không còn tình cảm với ông H và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 07/01/2008. Bà T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết;

Tại văn bản trả lời ý kiến lập ngày 16/6/2023 bị đơn ông Nguyễn Viết H trình bày:

Ông H thừa nhận ông và bà Lưu Thị T chung sống với nhau từ năm 2007 nH không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu Tẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông ông không làm ra tiền nên thường hay cải cọ trong nhà. Ông đồng ý với ý kiến bà T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung như ý kiến của bà T khai là đúng. Ông đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Viết H. Giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho bà T nuôi dưỡng.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:

Đơn ly hôn và bản khai, Bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Thị T H, Đơn đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng, Bản sao giấy chứng minh nhân dân. Bản sao sổ hộ khẩu. Văn bản trả lời ý kiến của ông H, Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Viết H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Viết H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay và không đăng ký kết hôn nên hôn nhân

của ông bà là không hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T và ông H xét thấy mâu Tẫn trong đời sống chung đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên bà T và ông H thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Viết H.

[3] Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 07/01/2008. Ông H thống nhất giao con cho bà T nuôi dưỡng. Con có nguyện vọng ở với mẹ nên giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 321/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án bà Lưu Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lưu Thị T và ông Nguyễn Viết H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 07/01/2008 cho bà Lưu Thị Thu trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lưu Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai T số 2474 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lưu Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/7/2023). Ông Nguyễn Viết H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QNam
- VKSND huyện Duy Xuyên.
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- UBND xã DS.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám